**Phụ lục 02: Danh sách các nhiệm vụ KH&CN chuyển giao theo đơn vị**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Nhiệm vụ** | **Mã số** | **Chủ nhiệm** | **Giai đoạn báo cáo** |
| **A** | **ĐƠN VỊ, VỤ, CỤC NHNN** |  |  |  |
| **1** | **CƠ QUAN THANH TRA GIÁM SÁT NGÂN HÀNG** |  |  |  |
| **1.1** | Xây dựng yêu cầu về nghiệp vụ, quy trình và dữ liệu cho hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | DANH.001/19 | ThS. Phan Mạnh Cường, Cơ quan TTGS | 2021-2025 |
| **1.2** | Đánh giá tác động của dịch Covid 19 đến hệ thống ngân hàng Việt Nam | ĐANH.001/20 | PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh, HVNH | 2021-2025 |
| **1.3** | Hoàn thiện pháp luật về giao dịch bảo đảm nhằm thúc đẩy xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng | ĐTNH.003/19 | ThS. Tạ Quang Đôn, Vụ Pháp chế | 2021-2025 |
| **1.4** | Thực trạng và giải pháp hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng dịch vụ tài chính tại Việt Nam | ĐTNH.004/19 | ThS. Nguyễn Thị Thanh Hằng, Viện CLNH | 2021-2025 |
| **1.5** | Quan hệ giữa quản trị ngân hàng với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng TMCP Việt Nam | ĐTNH.005/19 | ThS.Nguyễn Vĩnh Hưng, Vụ Ổn định TT-TC | 2021-2025 |
| **1.6** | Vai trò của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong hỗ trợ phát triển bền vững hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân ở Việt Nam đến năm 2025 | ĐTNH.006/19 | TS. Nguyễn Đình Lưu - Nguyên Phó TGĐ Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam | 2021-2025 |
| **1.7** | Nghiên cứu định hướng hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng tại Việt Nam (VAMC) sau năm 2020 | ĐTNH.009/19 | TS. Bùi Tín Nghị, HVNH | 2021-2025 |
| **1.8** | Đánh giá tính kỷ luật thị trường ngành ngân hàng tại Việt Nam | ĐTNH.011/19 | TS. Trần Việt Dũng, ĐHNH | 2021-2025 |
| **1.9** | Xây dựng Bộ chỉ số điều kiện tài chính quốc gia (domestic financial conditions) trong điều kiện hội nhập tài chính ở Việt Nam  | ĐTNH.013/19 | PGS.TS. Nguyễn Thanh Phương, HVNH | 2021-2025 |
| **1.10** | Thao túng lợi nhuận công bố của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam – một số khuyến nghị | ĐTNH.014/19 | TS. Đào Nam Giang, HVNH | 2021-2025 |
| **1.11** | Hoàn thiện, củng cố hệ thống phòng, chống rửa tiền tại Việt Nam giai đoạn 2020-2030 | ĐTNH.018/19 | ThS. Nguyễn Thị Thúy Ngọc, Cơ quan TTGS | 2021-2025 |
| **1.12** | Nghiên cứu, xây dựng nội dung, phương pháp thanh tra đối với hoạt động thẻ ngân hàng | ĐTNH-CS.001/19 | ThS. Võ Thị Thu Hương, Cơ quan TTGS  | 2021-2025 |
| **1.13** | Xác định chu kỳ tài chính: Kinh nghiệm quốc tế và đề xuất cho Việt Nam | ĐTNH-CS.003/19 | ThS. Nguyễn Vũ Phương, Vụ Ổn định TT-TC | 2021-2025 |
| **1.14** | Xây dựng phương pháp đánh giá quản trị ngân hàng thương mại của Ngân hàng Nhà nước | ĐTNH-CS.005/19 | TS. Đào Thị Huyền Anh, Vụ Ổn định TT-TC | 2021-2025 |
| **1.15** | Xây dựng mô hình đánh giá tổn thương và rủi ro khủng hoảng hệ thống ngân hàng Việt Nam  | DANH.001/18 | ThS. Phan Minh Anh, Vụ Ổn định TT-TC | 2020-2024 |
| **1.16** | Cơ chế hợp tác, chia sẻ thông tin giữa Cơ quan thanh tra, giám sát - NHNN Việt Nam với các đơn vị có liên quan trong giám sát hoạt động của các TCTD – Thực trạng và giải pháp | DANH.003/18 | ThS. Nguyễn Thị Hòa, Viện CLNH | 2020-2024 |
| **1.17** | Ảnh hưởng của sự phát triển các tổ chức tài chính phi ngân hàng tới ổn định tài chính ở Việt Nam và các khuyến nghị chính sách tới 2025 | ĐTNH.001/18 | PGS.TS. Kiều Hữu Thiện, HVNH | 2020-2024 |
| **1.18** | Quản trị rủi ro ngoại bảng tại các ngân hàng thương mại: Kinh nghiệm quốc tế và giải pháp cho Việt Nam | ĐTNH.003/18 | TS. Bùi Tín Nghị, HVNH | 2020-2024 |
| **1.19** | Định hướng hoàn thiện mô hình quản trị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | ĐTNH.008/18 | ThS. Lê Phương Lan, Viện CLNH  | 2020-2024 |
| **1.20** | Quản lý nhà nước đối với hoạt động bảo hiểm liên kết ngân hàng - Thực trạng và giải pháp | ĐTNH.013/18 | ThS. Phạm Xuân Hòe, Viện CLNH | 2020-2024 |
| **1.21** | Sử dụng dữ liệu thay thế (alternative data) trong việc chấm điểm tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại các tổ chức tín dụng | ĐTNH.015/18 | TS. Nguyễn Thị Hiền, Viện CLNH | 2020-2024 |
| **1.22** | Định hướng và các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam | ĐTNH.017/18 | TS. Nghiêm Xuân Thành, VCB | 2020-2024 |
| **1.23** | Tổng kết kinh nghiệm về kiểm toán nghiệp vụ thanh tra, giám sát tại ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố | ĐTNH-CS.001/18 | ThS. Lê Quốc Nghị, Vụ KTNB | 2020-2024 |
| **1.24** | Quản lý nhân lực theo KPI tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | DANH.001/17 | ThS. Trần Hữu Thắng, Vụ TCCB | 2019-2023 |
| **1.25** | Hoàn thiện cơ chế quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực ngân hàng | ĐANH.001/17 | TS. Nguyễn Tuấn Anh, Vụ TCKT | 2019-2023 |
| **1.26** | Mô hình tổ chức cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng - Kinh nghiệm Quốc tế và gợi ý cho VN | ĐTNH.001/17 | ThS Lê Phương Lan, Viện CLNH | 2019-2023 |
| **1.27** | Mối quan hệ giữa cạnh tranh và ổn định hệ thống ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2008 - 2016: Nghiên cứu thực nghiệm | ĐTNH.005/17 | ThS. Hà Tú Anh, Vụ Ổn định TT-TC | 2019-2023 |
| **1.28** | Phát triển hoạt động cho vay theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của Việt Nam | ĐTNH.006/17 | ThS. Trần Văn Tần, Vụ TDCNKT | 2019-2023 |
| **1.29** | Thực thi pháp luật về quản trị công ty đối với các ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam | ĐTNH.007/17 | TS. Bùi Hữu Toàn, ĐHNH | 2019-2023 |
| **1.30** | Tăng cường sự phối hợp giữa chính sách tiền tệ với chính sách an toàn hoạt động ngân hàng tại Việt Nam | ĐTNH.008/17 | TS.Nguyễn Phi Lân, Cơ quan TTGSNH | 2019-2023 |
| **1.31** | Xây dựng khuôn khổ pháp lý cho việc triển khai Chuẩn mực an toàn vốn theo Basel II trong hệ thống ngân hàng tại Việt Nam | ĐTNH.009/17 | ThS. Lê Trung Kiên, Cơ quan TTGSNH | 2019-2023 |
| **1.32** | Hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng: Thực trạng và giải pháp | ĐTNH.010/17 | ThS. Đỗ Thị Nhàn, Cơ quan TTGSNH | 2019-2023 |
| **1.33** | Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động mua bán và sáp nhập (M&A) ngân hàng tại Việt Nam | ĐTNH.016/17 | TS. Nguyễn Trung Dũng, Ngân hàng NN&PTNT | 2019-2023 |
| **1.34** | Ứng dụng quy trình đánh giá mức độ đầy đủ vốn nội bộ tại các ngân hàng thương mại Việt Nam theo Basel II | ĐTNH.019/17 | PGS.TS. Nguyễn Thùy Dương, HVNH | 2019-2023 |
| **1.35** | Quản lý nhà nước đối với hệ thống các tổ chức tín dụng phi ngân hàng tại Việt Nam - Thực trạng và giải pháp | ĐTNH.023/17 | TS. Nguyễn Thị Hòa, Viện CLNH | 2019-2023 |
| **1.36** | Một số giải pháp nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đối với công tác giám sát ngân hàng | ĐTNH-CS.001/17 | TS. Bùi Văn Hải, Cơ quan TTGSNH | 2019-2023 |
| **1.37** | Hoàn thiện mô hình tổ chức của Cục Phòng, chống rửa tiền đáp ứng vai trò Đơn vị tình báo tài chính của Việt Nam | ĐTNH-CS.005/17 | ThS. Nguyễn Văn Ngọc | 2019-2023 |
| **1.38** | Đo lường rủi ro hệ thống khu vực tài chính của Việt Nam | ĐTNH-CS.006/17 | ThS. Nguyễn Huy Toàn, Vụ Ổn định TT-TC | 2019-2023 |
| **1.39** | Nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế và tổ chức bộ máy đối với hệ thống chi nhánh Ngân hàng Nhà nước trên cơ sở xây dựng Bộ tiêu chí xác định khối lượng và độ phức tạp của công việc | ĐTNH-CS.008/17 | ThS. Đặng Duy Cường, Vụ TCCB | 2019-2023 |
| **1.40** | Nâng cao chất lượng giám sát Quỹ Tín dụng nhân dân qua phần mềm kết nối thông tin với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh | DANH.003/16 | ThS. Phạm Trường Giang, Chi nhánh NHNN tỉnh Phú Thọ | 2018-2022 |
| **1.41** | Hoàn thiện quy trình thanh tra tại chỗ đối với các TCTD trong nước tại Việt Nam | DANH-CS.01/16 | ThS. Nguyễn Thị Phụng, Cơ quan TTGSNH | 2018-2022 |
| **1.42** | Xây dựng bộ chỉ tiêu giám sát an toàn hoạt động ngân hàng và ứng dụng trong đánh giá rủi ro và hiệu quả hoạt động của các NHTM VN | DANH-CS.08/16 | ThS. Trương Anh Hùng, Cơ quan TTGSNH | 2018-2022 |
| **1.43** | Hoàn thiện quy trình, thủ tục giám sát các tổ chức tín dụng nhằm đảm bảo an toàn hệ thống | ĐTNH.001/16 | Trần Đăng Phi, Cơ quan TTGS | 2018-2022 |
| **1.44** | Nhận biết và xử lý các ngân hàng thương mại cổ phần yếu kém tại Việt Nam | ĐTNH.003/16 | ThS. Đỗ Thị Nhàn, Cơ quan TTGS | 2018-2022 |
| **1.45** | Quản lý nhà nước đối với hệ thống quỹ tín dụng nhân dân: Thực trạng và giải pháp | ĐTNH.004/16 | TS. Nguyễn Thị Hòa, Viện CLNH | 2018-2022 |
| **1.46** | Khuôn khổ quản lý khủng hoảng ngân hàng – Tình huống nghiên cứu tại Việt Nam | ĐTNH.006/16 | ThS. Phan Minh Anh, Vụ Ổn định TT-TC | 2018-2022 |
| **1.47** | Toàn cảnh hệ thống ngân hàng Việt Nam 2016, triển vọng 2017 | ĐTNH.014/16 | TS. Nguyễn Đức Hiển | 2018-2022 |
| **1.48** | Hoàn thiện mô hình và cơ chế xử lý nợ xấu cho VAMC | ĐTNH.015/16 | TS. Nguyễn Mạnh Hùng | 2018-2022 |
| **1.49** | Vai trò của ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước tham gia tái cơ cấu tổ chức tín dụng yếu kém – nghiên cứu tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | ĐTNH.019/16 | TS. Nghiêm Xuân Thành, VCB | 2018-2022 |
| **1.50** | Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các ngân hàng thương mại – Thực tiễn và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam | ĐTNH.024/16 | TS. Bùi Tín Nghị, HVNH | 2018-2022 |
| **1.51** | Vai trò của tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong quá trình tái cơ cấu tổ chức tín dụng yếu kém tại Việt Nam | ĐTNH.035/16 | TS.Vũ Văn Long, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam | 2018-2022 |
| **2** | **VỤ ỔN ĐỊNH TIỀN TỆ - TÀI CHÍNH** |  |
| **2.1** | Ứng dụng mô hình kết hợp các chỉ tiêu với tần suất khác nhau (Nowcasting) trong phân tích và dự báo tăng trưởng GDP | DANH-CS.001/19 | ThS. Hoàng Việt PhươngVụ DBTK | 2021-2025 |
| **2.2** | Quan hệ giữa quản trị ngân hàng với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng TMCP Việt Nam | ĐTNH.005/19 | ThS.Nguyễn Vĩnh Hưng, Vụ Ổn định TT-TC | 2021-2025 |
| **2.3** | Hiệu lực của chính sách an toàn vĩ mô qua kênh chuẩn mực tín dụng (bank lending standard) tới thị trường bất động sản tại Việt Nam | ĐTNH.010/19 | PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh, HVNH | 2021-2025 |
| **2.4** | Đánh giá tính kỷ luật thị trường ngành ngân hàng tại Việt Nam | ĐTNH.011/19 | Ts. Trần Việt Dũng, ĐHNH | 2021-2025 |
| **2.5** | Xây dựng Bộ chỉ số điều kiện tài chính quốc gia (domestic financial conditions) trong điều kiện hội nhập tài chính ở Việt Nam  | ĐTNH.013/19 | PGS.TS. Nguyễn Thanh Phương, HVNH | 2021-2025 |
| **2.6** | Xác định chu kỳ tài chính: Kinh nghiệm quốc tế và đề xuất cho Việt Nam | ĐTNH-CS.003/19 | ThS. Nguyễn Vũ Phương, Vụ Ổn định TT-TC | 2021-2025 |
| **2.7** | Xây dựng phương pháp đánh giá quản trị ngân hàng thương mại của Ngân hàng Nhà nước | ĐTNH-CS.005/19 | TS. Đào Thị Huyền Anh, Vụ Ổn định TT-TC | 2021-2025 |
| **2.8** | Xây dựng mô hình đánh giá tổn thương và rủi ro khủng hoảng hệ thống ngân hàng Việt Nam  | DANH.001/18 | ThS. Phan Minh Anh, Vụ Ổn định TT-TC | 2020-2024 |
| **2.9** | Cơ chế hợp tác, chia sẻ thông tin giữa Cơ quan thanh tra, giám sát - NHNN Việt Nam với các đơn vị có liên quan trong giám sát hoạt động của các TCTD – Thực trạng và giải pháp | DANH.003/18 | TS. Nguyễn Thị Hòa, Viện CLNH | 2020-2024 |
| **2.10** | Ảnh hưởng của sự phát triển các tổ chức tài chính phi ngân hàng tới ổn định tài chính ở Việt Nam và các khuyến nghị chính sách tới 2025 | ĐTNH.001/18 | PGS.TS. Kiều Hữu Thiện, HVNH | 2020-2024 |
| **2.11** | Định hướng và các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam | ĐTNH.017/18 | TS. Nghiêm Xuân Thành, VCB | 2020-2024 |
| **2.12** | Một số giải pháp nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đối với công tác giám sát ngân hàng | ĐTNH-CS.001/17 | TS. Bùi Văn Hải, Cơ quan TTGSNH  | 2019-2023 |
| **2.13** | Mối quan hệ giữa cạnh tranh và ổn định hệ thống ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2008 - 2016: Nghiên cứu thực nghiệm | ĐTNH.005/17 | ThS. Hà Tú Anh, Vụ Ổn định TT-TC | 2019-2023 |
| **2.14** | Đo lường rủi ro hệ thống khu vực tài chính của Việt Nam | ĐTNH-CS.006/17 | ThS. Nguyễn Huy Toàn, Vụ Ổn định TT-TC | 2019-2023 |
| **2.15** | Quản lý nhân lực theo KPI tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | DANH.001/17 | ThS. Trần Hữu Thắng, Vụ TCCB | 2019-2023 |
| **2.16** | Khuôn khổ quản lý khủng hoảng ngân hàng – Tình huống nghiên cứu tại Việt Nam | ĐTNH.006/16 | ThS. Phan Minh Anh, Vụ Ổn định TT-TC | 2018-2022 |
| **2.17** | Xây dựng và ứng dụng Chỉ số căng thẳng tài chính cho Việt Nam | ĐTNH.030/16 | TS. Nguyễn Chí Đức, ĐHNH | 2018-2022 |
| **2.18** | Bản đồ cảnh báo rủi ro thị trường bất động sản đối với hệ thống ngân hàng | ĐTNH-CS.06/16 | ThS. Đào Thị Huyền Anh, Vụ Ổn định TT-TC | 2018-2022 |
| **2.19** | Khuôn khổ quản lý, giám sát các tổ chức tín dụng có tầm quan trọng hệ thống | ĐTNH-CS.07/16 | TS. Phạm Vũ Thăng Long, Vụ Ổn định TT-TC | 2018-2022 |
| **2.19** | **VỤ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ** |  |
| **3.1** | Ứng dụng mô hình kết hợp các chỉ tiêu với tần suất khác nhau (Nowcasting) trong phân tích và dự báo tăng trưởng GDP | DANH-CS.001/19 | ThS. Hoàng Việt Phương, Vụ Dự báo thống kê | 2021-2025 |
| **3.2** | Đánh giá tác động của dịch Covid 19 đến hệ thống ngân hàng Việt Nam | ĐANH.001/20 | PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh, HVNH | 2021-2025 |
| **3.3** | Tác động của nợ công đến bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam và một số khuyến nghị chính sách | ĐTNH.012/19 | TS. Lê Thị Diệu Huyền, HVNH | 2021-2025 |
| **3.4** | Xây dựng Bộ chỉ số điều kiện tài chính quốc gia (domestic financial conditions) trong điều kiện hội nhập tài chính ở Việt Nam  | ĐTNH.013/19 | PGS.TS. Nguyễn Thanh Phương, HVNH | 2021-2025 |
| **3.5** | Xác định chu kỳ tài chính: Kinh nghiệm quốc tế và đề xuất cho Việt Nam | ĐTNH-CS.003/19 | ThS. Nguyễn Vũ Phương, Vụ Ổn định TT-TC | 2021-2025 |
| **3.6** | Ảnh hưởng của sự phát triển các tổ chức tài chính phi ngân hàng tới ổn định tài chính ở Việt Nam và các khuyến nghị chính sách tới 2025 | ĐTNH.001/18 | PGS.TS. Kiều Hữu Thiện, HVNH | 2020-2024 |
| **3.7** | Quản trị rủi ro ngoại bảng tại các ngân hàng thương mại: Kinh nghiệm quốc tế và giải pháp cho Việt Nam | ĐTNH.003/18 | TS. Bùi Tín Nghị, HVNH | 2020-2024 |
| **3.8** | Giải pháp tăng cường sự tham gia của Việt Nam vào các tổ chức tài chính, tiền tệ, ngân hàng quốc tế trong thời kỳ mới | ĐTNH.009/18 | ThS. Đào Thúy Hằng, Vụ HTQT | 2020-2024 |
| **3.9** | Phản ứng tiền tệ của các nền kinh tế Đông Á đối với tác động tràn của CSTT Trung Quốc và hàm ý chính sách cho Việt Nam  | ĐTNH.011/18 | TS. Phạm Thị Tuyết Trinh, ĐHNH | 2020-2024 |
| **3.10** | Sử dụng dữ liệu thay thế (alternative data) trong việc chấm điểm tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại các tổ chức tín dụng | ĐTNH.015/18 | TS. Nguyễn Thị Hiền, Viện CLNH | 2020-2024 |
| **3.11** | Phối hợp chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ trong rủi ro khủng hoảng nợ công | ĐTNH.016/18 | PGS.TSKH. Nguyễn Ngọc Thạch, ĐHNH | 2020-2024 |
| **3.12** | Định hướng và các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam | ĐTNH.017/18 | TS. Nghiêm Xuân Thành, VCB | 2020-2024 |
| **3.13** | Mối quan hệ giữa tín dụng và tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn sau khủng hoảng tài chính, tiền tệ: Kết quả nghiên cứu quốc tế và gợi ý chính sách cho Việt Nam | ĐTNH-CS.003/18 | TS. Nguyễn Thị Hòa, Viện VCLNH | 2020-2024 |
| **3.14** | Quản lý nhân lực theo KPI tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | DANH.001/17 | ThS. Trần Hữu Thắng, Vụ TCCB | 2019-2023 |
| **3.15** | Cơ chế truyền tải chính sách tiền tệ giai đoạn 2006-2016: Cơ sở thiết lập Khung khổ điều hành chính sách tiền tệ tại Việt Nam | ĐTNH.002/17 | TS. Phạm Chí Quang, Vụ CSTT | 2019-2023 |
| **3.16** | Hoàn thiện cơ chế quản lý tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đến 2020, định hướng đến 2030 | ĐTNH.003/17 | TS.Nguyễn Tú Anh, Ban KTTW | 2019-2023 |
| **3.17** | Phát triển mô hình cân bằng động tổng quát (DSGE) trong phân tích các cú sốc nhằm nâng cao chất lượng dự báo kinh tế vĩ mô Việt Nam | ĐTNH.004/17 | PGS.TS. Nguyễn Đức Trung, ĐHNH | 2019-2023 |
| **3.18** | Phát triển hoạt động cho vay theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của Việt Nam | ĐTNH.006/17 | ThS. Trần Văn Tần, Vụ TDCNKT | 2019-2023 |
| **3.19** | Tăng cường sự phối hợp giữa chính sách tiền tệ với chính sách an toàn hoạt động ngân hàng tại Việt Nam | ĐTNH.008/17 | TS.Nguyễn Phi Lân, Cơ quan TTGSNH Lân | 2019-2023 |
| **3.20** | Nghiên cứu mức độ đánh đổi của bộ ba bất khả thi và gợi ý cho Việt Nam | ĐTNH.017/17 | PGS.TS. Tô Kim Ngọc, HVNH | 2019-2023 |
| **3.21** | Nghiên cứu quản lý hoạt động huy động vốn và cho vay hàng ngang) dựa trên nền tảng công nghệ cao (Peer to Peer Lending – P2P) | ĐTNH-CS.011/17 | TS. Phạm Chí Quang, Vụ CSTT | 2019-2023 |
| **3.22** | Đổi mới điều hành chính sách lãi suất nhằm nâng cao hiệu lực của chính sách tiền tệ | ĐTNH.002/16 | TS. Bùi Quốc Dũng, Vụ CSTT | 2018-2022 |
| **3.23** | Quản lý sử dụng ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam: Thực trạng và giải pháp | ĐTNH.009/16 | ThS. Nguyễn Ngọc Cảnh, Vụ QLNH | 2018-2022 |
| **3.24** | Toàn cảnh hệ thống ngân hàng Việt Nam 2016, triển vọng 2017 | ĐTNH.014/16 | TS. Nguyễn Đức Hiển | 2018-2022 |
| **3.25** | Chính sách tiền tệ phi truyền thống: kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam | ĐTNH.022/16 | TS. Chu Khánh Lân, HVNH | 2018-2022 |
| **3.26** | Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các ngân hàng thương mại – Thực tiễn và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam | ĐTNH.024/16 | TS. Bùi Tín Nghị, HVNH | 2018-2022 |
| **3.27**  | Bản đồ cảnh báo rủi ro thị trường bất động sản đối với hệ thống ngân hàng | ĐTNH-CS.06/16 | ThS. Đào Thị Huyền Anh, Vụ Ổn định TT-TC | 2018-2022 |
| **4** | **VỤ THANH TOÁN** |  |  |  |
| **4.1** | Ứng dụng công nghệ Blockchain trong thanh toán điện tử liên ngân hàng | ĐTNH.017/19 | ThS. Lê Mạnh Hùng, Cục CNTT | 2021-2025 |
| **4.2** | Hoàn thiện, củng cố hệ thống phòng, chống rửa tiền tại Việt Nam giai đoạn 2020-2030 | ĐTNH.018/19 | ThS. Nguyễn Thị Thúy Ngọc, Cơ quan TTGS | 2021-2025 |
| **4.3** | Hoàn thiện hệ sinh thái Công nghệ tài chính (Fintech) ở Việt Nam giai đoạn 2018-2025 | ĐTNH.010/18 | ThS. Nghiêm Thanh Sơn, Vụ Thanh toán | 2020-2024 |
| **4.4** | Định hướng và các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam | ĐTNH.017/18 | TS. Nghiêm Xuân Thành, VCB | 2020-2024 |
| **4.5** | Quản lý nhân lực theo KPI tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | DANH.001/17 | ThS. Trần Hữu Thắng, Vụ TCCB | 2019-2023 |
| **4.6** | Nghiên cứu triển khai phương thức thanh toán BPO tại các ngân hàng thương mại Việt Nam | DANH.003/17 | ThS. Đào Minh Tuấn, VCB | 2019-2023 |
| **4.7** | Quản lý lưu trữ chứng từ kế toán theo phương thức điện tử | DANH.004/17 | ThS. Nguyễn Quang Hưng, Cục CNTT | 2019-2023 |
| **4.8** | Giải pháp phát triển ngân hàng số tại Việt Nam | ĐTNH.012/17 | ThS. Phan Ngọc Thắng, Viện CLNH | 2019-2023 |
| **4.9** | Bội chi tiền mặt tại Việt Nam - nguyên nhân và giải pháp hạn chế | ĐTNH.015/17 | TS. Tô Huy Vũ, Vụ HTQT | 2019-2023 |
| **4.10** | Hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán tại Việt Nam - Thực trạng và giải pháp quản lý đến năm 2025 | ĐTNH.022/17 | ThS. Phạm Tiến Dũng, Vụ Thanh toán | 2020-2024 |
| **4.11** | Tội phạm sử dụng công nghệ cao trong lĩnh vực ngân hàng | ĐTNH.024/17 | PGS.TS. Hạ Thị Thiều Dao, Trường ĐHNH | 2019-2023 |
| **4.12** | Công nghệ Blockchain và ứng dụng trong ngành tài chính ngân hàng | ĐTNH-CS.009/17 | ThS. Nghiêm Thanh Sơn, Vụ Thanh toán | 2019-2023 |
| **4.13** | Kinh nghiệm quốc tế trong quản lý Bitcoin và các loại tiền ảo khác - Định hướng chính sách đối với Việt Nam | ĐTNH-CS.010/17 | ThS. Nguyễn Tuyết Dương, Vụ Pháp chế | 2019-2023 |
| **4.14** | Nghiên cứu quản lý hoạt động huy động vốn và cho vay hàng ngang) dựa trên nền tảng công nghệ cao (Peer to Peer Lending – P2P) | ĐTNH-CS.011/17 | TS. Phạm Chí Quang, Vụ CSTT | 2019-2023 |
| **4.15** | Giải pháp phát triển nhận biết khách hàng điện tử (e-KYC) trong các dịch vụ Tài chính – ngân hàng tại VN | ĐTNH-CS.012/17 | ThS. Phan Huy Thắng, Trung tâm TTTD | 2019-2023 |
| **4.16** | Nghiên cứu giao diện kết nối ứng dụng mở (Open API) để áp dụng trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng tại Việt Nam | ĐTNH-CS.014/17 | ThS. Phan Thái Dũng, Cục CNTT | 2019-2023 |
| **4.17** | Nâng cấp hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng quốc gia | ĐTNH.012/16 | ThS. Đoàn Thanh Hải, Cục CNTT | 2018-2022 |
| **4.18** | Áp dụng chuẩn tin điện tài chính quốc tế ISO 20022 trong hệ thống tài chính - ngân hàng Việt Nam | DANH.001/16 | ThS. Nghiêm Thanh Sơn, Vụ TT | 2018-2022 |
| **4.19** | Tiền điện tử: Thực tiễn và yêu cầu về hoàn thiện khuôn khổ pháp lý tại Việt Nam | ĐTNH-CS.01/16 | ThS. Bùi Quang Tiên, Vụ Thanh toán | 2018-2022 |
| **4.20** | Đề xuất mô hình quản lý mạng lưới ATM tập trung tại Việt Nam | ĐTNH-CS.08/16 | ThS. Đinh Xuân Hà, Viện CLNH | 2018-2022 |
| **5** | **VỤ PHÁP CHẾ** |  |  |  |
| **5.1** | Hoàn thiện pháp luật về giao dịch bảo đảm nhằm thúc đẩy xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng | ĐTNH.003/19 | ThS. Tạ Quang Đôn, Vụ Pháp chế | 2021-2025 |
| **5.2** | Kinh nghiệm quốc tế trong quản lý Bitcoin và các loại tiền ảo khác – Định hướng chính sách đối với Việt Nam | ĐTNH-CS.010/17 | ThS. Nguyễn Tuyết Dương, Vụ Pháp chế | 2019-2023 |
| **5.3** | Quản lý nhà nước đối với hệ thống các tổ chức tín dụng phi ngân hàng tại Việt Nam - Thực trạng và giải pháp | ĐTNH.023/17 | TS. Nguyễn Thị Hòa, Viện CLNH | 2019-2023 |
| **5.4** | Hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng: Thực trạng và giải pháp | ĐTNH. 010/17 | ThS. Đỗ Thị Nhàn, Cơ quan TTGSNH | 2019-2023 |
| **5.5** | Cải thiện chỉ tiêu tiếp cận tín dụng theo tiêu chuẩn của Ngân hàng Thế giới cho Việt Nam nhìn từ khía cạnh pháp lý | ĐTNH.007/16 | ThS. Tạ Quang Đôn, Vụ Pháp chế | 2018-2022 |
| **5.6** | Hoàn thiện khung pháp lý về xử lý ngân hàng thương mại có vấn đề | ĐTNH.008/16 | ThS. Đoàn Thái Sơn, Vụ Pháp chế | 2018-2022 |
| **6** | **VỤ DỰ BÁO THỐNG KÊ** |  |  |  |
| **6.1** | Xây dựng Bộ chỉ số điều kiện tài chính quốc gia (domestic financial conditions) trong điều kiện hội nhập tài chính ở Việt Nam  | ĐTNH.013/19 | PGS.TS. Nguyễn Thanh Phương, HVNH | 2021-2025 |
| **6.2** | Ứng dụng mô hình kết hợp các chỉ tiêu với tần suất khác nhau (Nowcasting) trong phân tích và dự báo tăng trưởng GDP | DANH-CS.001/19 | ThS. Hoàng Việt Phương, Vụ Dự báo thống kê | 2021-2025 |
| **6.3** | Định hướng và các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam | ĐTNH.017/18 | TS. Nghiêm Xuân Thành, VCB | 2020-2024 |
| **6.4** | Mối quan hệ giữa tín dụng và tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn sau khủng hoảng tài chính, tiền tệ: Kết quả nghiên cứu quốc tế và gợi ý chính sách cho Việt Nam | ĐTNH-CS.003/18 | TS. Nguyễn Thị Hòa, Viện VCLNH | 2020-2024 |
| **6.5** | Quản lý nhân lực theo KPI tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | DANH.001/17 | ThS. Trần Hữu Thắng, Vụ TCCB | 2019-2023 |
| **6.6** | Cơ chế truyền tải chính sách tiền tệ giai đoạn 2006-2016: Cơ sở thiết lập Khung khổ điều hành chính sách tiền tệ tại Việt Nam | ĐTNH.002/17 | Ts. Phạm Chí Quang | 2019-2023 |
| **6.7** | Phát triển mô hình cân bằng động tổng quát (DSGE) trong phân tích các cú sốc nhằm nâng cao chất lượng dự báo kinh tế vĩ mô Việt Nam | ĐTNH.004/17 | PGS.TS. Nguyễn Đức Trung | 2019-2023 |
| **6.8** | Bội chi tiền mặt tại Việt Nam - nguyên nhân và giải pháp hạn chế | ĐTNH.015/17 | TS. Tô Huy Vũ, Vụ HTQT | 2019-2023 |
| **6.9** | Nghiên cứu mức độ đánh đổi của bộ ba bất khả thi và gợi ý cho Việt Nam | ĐTNH.017/17 | PGS.TS. Tô Kim Ngọc, HVNH | 2019-2023 |
| **6.5** | Xây dựng Sổ tay dự báo sử dụng tại NHNN | DANH-CS.02/16 | ThS. Đặng Ngọc Hà, Vụ DBTK | 2018-2022 |
| **6.6** | Điều tra xu hướng cho vay trong ngành ngân hàng Việt Nam | DANH-CS.07/16 | ThS. Ngô Thị Thu Trà, Vụ DBTK | 2018-2022 |
| **6.7** | Đo lường kỳ vọng lạm phát ở Việt Nam phục vụ công tác điều hành chính sách tiền tệ | ĐTNH.005/16 | ThS. Phạm Tuấn Anh, Vụ DBTK | 2018-2022 |
| **6.8** | Toàn cảnh hệ thống ngân hàng Việt Nam 2016, triển vọng 2017 | ĐTNH.014/16 | TS. Nguyễn Đức Hiển, Viện CLNH | 2018-2022 |
| **6.9** | **CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN** |  |
| **7.1** | Ứng dụng công nghệ Blockchain trong thanh toán điện tử liên ngân hàng | ĐTNH.017/19 | ThS. Lê Mạnh Hùng, Cục CNTT | 2021-2025 |
| **7.2** | Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động nghiệp vụ lưu ký giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | DANH-CS.003/19 | ThS. Nguyễn Vân Anh, Sở Giao dịch | 2021-2025 |
| **7.3** | Định hướng và các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam | ĐTNH.017/18 | TS. Nghiêm Xuân Thành, VCB | 2020-2024 |
| **7.4** | Quản lý nhân lực theo KPI tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | DANH.001/17 | ThS. Trần Hữu Thắng, Vụ TCCB | 2019-2023 |
| **7.5** | Nghiên cứu triển khai phương thức thanh toán BPO tại các ngân hàng thương mại Việt Nam | DANH.003/17 | ThS. Đào Minh Tuấn, VCB | 2019-2023 |
| **7.6** | Quản lý lưu trữ chứng từ kế toán theo phương thức điện tử | DANH.004/17 | ThS. Nguyễn Quang Hưng, Cục CNTT | 2019-2023 |
| **7.7** | Nghiên cứu áp dụng chuẩn XBRL cho việc thu thập, xử lý báo cáo tại Ngân hàng Nhà nước | DANH-CS.002/17 | ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh, Cục CNTT | 2019-2023 |
| **7.8** | Hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán tại Việt Nam - Thực trạng và giải pháp quản lý đến năm 2025 | ĐTNH.022/17 | ThS. Phạm Tiến Dũng, Vụ Thanh toán | 2019-2023 |
| **7.9** | Tội phạm sử dụng công nghệ cao trong lĩnh vực ngân hàng | ĐTNH.024/17 | PGS.TS. Hạ Thị Thiều Dao, Trường ĐHNH | 2019-2023 |
| **7.10** | Nghiên cứu triển khai Big Data cho hoạt động Quản trị quan hệ khách hàng tại các NHTM VN | ĐTNH.025/17 | TS. Phan Thanh Đức, HVNH | 2019-2023 |
| **7.11** | Nghiên cứu giao diện kết nối ứng dụng mở (Open API) để áp dụng trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng tại Việt Nam | ĐTNH-CS.014/17 | ThS. Phan Thái Dũng, Cục CNTT | 2019-2023 |
| **7.12** | Áp dụng chuẩn tin điện tài chính quốc tế ISO 20022 trong hệ thống tài chính - ngân hàng Việt Nam | DANH.001/16 | ThS. Nghiêm Thanh Sơn, Vụ TT | 2018-2022 |
| **7.13** | Nâng cao chất lượng giám sát Quỹ Tín dụng nhân dân qua phần mềm kết nối thông tin với NHNN chi nhánh tỉnh | DANH.003/16 | ThS. Phạm Trường Giang, Chi nhánh NHNN tỉnh Phú Thọ | 2018-2022 |
| **7.14** | Giải pháp tổng thể hoạt động đồng thời (Active/Active) trên cả 02 Trung tâm dữ liệu chính và Trung tâm dữ liệu dự phòng (DC/DR) | DANH-CS.05/16 | ThS. Nguyễn Đức Dũng, Cục CNTT | 2018-2022 |
| **7.15** | Nâng cấp hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng quốc gia | ĐTNH.012/16 | ThS. Đoàn Thanh Hải, Cục CNTT | 2018-2022 |
| **8** | **VỤ TÍN DỤNG CÁC NGÀNH KINH TẾ** |  |
| **8.1** | Đánh giá tác động của dịch Covid 19 đến hệ thống ngân hàng Việt Nam | ĐANH.001/20 | PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh, HVNH | 2021-2025 |
| **8.2** | Quản trị rủi ro ngoại bảng tại các ngân hàng thương mại: Kinh nghiệm quốc tế và giải pháp cho Việt Nam | ĐTNH. 003/18 | TS. Bùi Tín Nghị, HVNH | 2020-2024 |
| **8.3** | Sử dụng dữ liệu thay thế (alternative data) trong việc chấm điểm tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại các tổ chức tín dụng | ĐTNH.015/18 | TS. Nguyễn Thị Hiền, Viện CLNH | 2020-2024 |
| **8.4** | Định hướng và các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam | ĐTNH.017/18 | TS. Nghiêm Xuân Thành, VCB | 2020-2024 |
| **8.5** | Mối quan hệ giữa tín dụng và tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn sau khủng hoảng tài chính, tiền tệ: Kết quả nghiên cứu quốc tế và gợi ý chính sách cho Việt Nam | ĐTNH-CS. 003/18 | TS. Nguyễn Thị Hòa, Viện VCLNH | 2020-2024 |
| **8.6** | Phát triển hoạt động cho vay theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của Việt Nam | ĐTNH.006/17 | ThS. Trần Văn Tần, Vụ TDCNKT | 2019-2023 |
| **8.7** | Chính sách tín dụng hướng tới tăng trưởng xanh tại Việt Nam | ĐTNH.011/16 | ThS. Cát Quang Dương, Vụ TDCNKT | 2018-2022 |
| **8.8** | Bản đồ cảnh báo rủi ro thị trường bất động sản đối với hệ thống ngân hàng | ĐTNH-CS.06/16 | ThS. Đào Thị Huyền Anh, Vụ Ổn định TT-TC | 2018-2022 |
| **9** | **VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ** |  |  |  |
| **9.1** | Định hướng hoàn thiện mô hình quản trị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | ĐTNH.008/18 | ThS. Lê Phương Lan, Viện CLNH | 2020-2024 |
| **9.2** | Định hướng và các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam | ĐTNH.017/18 | TS. Nghiêm Xuân Thành, VCB | 2020-2024 |
| **9.3** | Quản lý nhân lực theo KPI tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | DANH.001/17 | ThS. Trần Hữu Thắng, Vụ TCCB | 2019-2023 |
| **9.4** | Mô hình tổ chức cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng - Kinh nghiệm Quốc tế và gợi ý cho VN | ĐTNH. 001/17 | ThS Lê Phương Lan, Viện CLNH | 2019-2023 |
| **9.5** | Hoàn thiện cơ chế quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực ngân hàng | ĐANH.001/17 | TS. Nguyễn Tuấn Anh, Vụ TCKT | 2019-2023 |
| **9.6** | Nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế và tổ chức bộ máy đối với hệ thống chi nhánh Ngân hàng Nhà nước trên cơ sở xây dựng Bộ tiêu chí xác định khối lượng và độ phức tạp của công việc | ĐTNH-CS.008/17 | ThS. Đặng Duy Cường, Vụ TCCB | 2019-2023 |
| **9.7** | Nâng cao hiệu quả quản lý công tác sinh viên trong đào tạo tín chỉ tại các cơ sở đào tạo của Ngân hàng Nhà nước. | ĐTNH-CS.002/17 | TS. Lâm Thị Kim Liên, ĐHNH | 2019-2023 |
| **9.8** | Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính của Ngân hàng Nhà nước | ĐTNH-CS. 003/17 | TS. Nguyễn Tuấn Anh, Vụ TCKT | 2019-2023 |
| **9.9** | Hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng: Thực trạng và giải pháp | ĐTNH. 010/17 | ThS. Đỗ Thị Nhàn, Cơ quan TTGSNH | 2019-2023 |
| **9.10** | Hoàn thiện chế độ đãi ngộ người lao động phù hợp với hoạt động nghiệp vụ đặc thù của NHNN Việt Nam | ĐTNH.028/16 | TS. Phạm Quốc Khánh, HVNH | 2018-2022 |
| **9.11** | Hoàn thiện chương trình đào tạo chuyên gia cho NHNN giai đoạn 2016 – 2020 | DANH.005/16 | TS. Ngô Chung, Trường BDCBNH | 2018-2022 |
| **10** | **VỤ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI** |  |  |  |
| **10.1** | Định hướng và các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam | ĐTNH.017/18 | TS. Nghiêm Xuân Thành, VCB | 2020-2024 |
| **10.2** | Quản lý nhân lực theo KPI tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | DANH.001/17 | ThS. Trần Hữu Thắng, Vụ TCCB | 2019-2023 |
| **10.3** | Nghiên cứu mức độ đánh đổi của bộ ba bất khả thi và gợi ý cho Việt Nam | ĐTNH. 017/17 | PGS.TS. Tô Kim Ngọc, HVNH | 2019-2023 |
| **10.4** | Quản lý sử dụng ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam: Thực trạng và giải pháp | ĐTNH.009/16 | ThS. Nguyễn Ngọc Cảnh, Vụ QLNH | 2018-2022 |
| **10.5** | Quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước: Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam | ĐTNH.010/16 | ThS. Nguyễn Ngọc Minh, Vụ QLNH | 2018-2022 |
| **11** | **VỤ KIỂM TOÁN NỘI BỘ** |  |  |  |
| **11.1** | Tổng kết kinh nghiệm về kiểm toán nghiệp vụ thanh tra, giám sát tại ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố | ĐTNH-CS.001/18 | ThS. Lê Quốc Nghị, Vụ KTNB | 2020-2024 |
| **11.2** | Định hướng và các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam | ĐTNH.017/18 | TS. Nghiêm Xuân Thành, VCB | 2020-2024 |
| **12** | **SỞ GIAO DỊCH** |  |  |  |
| **12.1** | Ứng dụng công nghệ Blockchain trong thanh toán điện tử liên ngân hàng | ĐTNH.017/19 | ThS. Lê Mạnh Hùng, Cục CNTT | 2021-2025 |
| **12.2** | Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động nghiệp vụ lưu ký giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | DANH-CS.003/19 | ThS. Nguyễn Vân Anh, Sở Giao dịch | 2021-2025 |
| **12.3** | Định hướng và các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam | ĐTNH.017/18 | TS. Nghiêm Xuân Thành, VCB | 2020-2024 |
| **12.4** | Xây dựng chương trình phần mềm quản lý nghiệp vụ thu – chi đủ tiêu chuẩn lưu thông đối với khách hàng không thường xuyên tại Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | DANH-CS. 001/18 | ThS. Nguyễn Thị Phương Mai, Sở Giao dịch | 2020-2024 |
| **12.5** | Quản lý nhân lực theo KPI tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | DANH.001/17 | ThS. Trần Hữu Thắng, Vụ TCCB | 2019-2023 |
| **12.6** | Nghiên cứu triển khai phương thức thanh toán BPO tại các ngân hàng thương mại Việt Nam | DANH. 003/17 | ThS. Đào Minh Tuấn, VCB | 2019-2023 |
| **12.7** | Nghiên cứu mức độ đánh đổi của bộ ba bất khả thi và gợi ý cho Việt Nam | ĐTNH. 017/17 | PGS.TS. Tô Kim Ngọc, HVNH | 2019-2023 |
| **12.8** | Quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước: Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam | ĐTNH.010/16 | ThS. Nguyễn Ngọc Minh, Vụ QLNH | 2018-2022 |
| **12.9** | Nâng cấp hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng quốc gia | ĐTNH.012/16 | ThS. Đoàn Thanh Hải, Cục CNTT | 2018-2022 |
| **13** | **VĂN PHÒNG**  |  |  |  |
| **13.1** | Quản lý nhân lực theo KPI tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | DANH.001/17 | ThS. Trần Hữu Thắng, Vụ TCCB | 2019-2023 |
| **13.2** | Lịch sử đồng tiền Việt Nam - Quá trình hình thành và phát triển | DANH.002/16 | TS. Đào Minh Tú, NHNN | 2020-2024 |
| **14** | **VỤ TRUYỀN THÔNG** |  |  |  |
| **14.1** | Quản lý nhân lực theo KPI tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | DANH.001/17 | ThS. Trần Hữu Thắng, Vụ TCCB | 2019-2023 |
| **14.2** | Kinh nghiệm sử dụng mạng xã hội trong hoạt động truyền thông của NHTW và khuyến nghị cho Việt Nam. | ĐTNH-CS. 002/18 | ThS. Lê Thị Thúy Sen, Vụ Truyền thông | 2020-2024 |
| **14.3** | Định hướng và các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam | ĐTNH.017/18 | TS. Nghiêm Xuân Thành, VCB | 2020-2024 |
| **14.4** | Truyền thông chính sách của Ngân hàng Nhà nước: Thực trạng và giải pháp | ĐTNH.018/16 | ThS. Lê Thị Thúy Sen, Vụ Truyền thông | 2018-2022 |
| **15** | **CỤC PHÁT HÀNH VÀ KHO QUỸ** |  |
| **15.1** | Quản lý nhân lực theo KPI tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | DANH.001/17 | ThS. Trần Hữu Thắng, Vụ TCCB | 2019-2023 |
| **15.2** | Bội chi tiền mặt tại Việt Nam - nguyên nhân và giải pháp hạn chế | ĐTNH.015/17 | TS. Tô Huy Vũ, Vụ HTQT | 2019-2023 |
| **15.3** | Đổi mới cơ chế tổ chức và điều hòa tiền mặt trong ngành ngân hàng | ĐTNH.013/16 | ThS. Phạm Bảo Lâm, Cục PHKQ | 2018-2022 |
| **16** | **VỤ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN** |  |
| **16.1** | Quan hệ giữa quản trị ngân hàng với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng TMCP Việt Nam | ĐTNH.005/19 | ThS.Nguyễn Vĩnh Hưng, Vụ Ổn định TT-TC | 2021-2025 |
| **16.2** | Quản lý nhân lực theo KPI tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | DANH.001/17 | ThS. Trần Hữu Thắng, Vụ TCCB | 2019-2023 |
| **16.3** | Định hướng và các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam | ĐTNH.017/18 | TS. Nghiêm Xuân Thành, VCB | 2020-2024 |
| **16.4** | Quản lý lưu trữ chứng từ kế toán theo phương thức điện tử | DANH. 004/17 | ThS. Nguyễn Quang Hưng, Cục CNTT | 2019-2023 |
| **16.5** | Hoàn thiện cơ chế quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực ngân hàng | ĐANH. 001/17 | TS. Nguyễn Tuấn Anh, Vụ TCKT | 2019-2023 |
| **16.6** | Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính của Ngân hàng Nhà nước | ĐTNH-CS.003/17 | TS. Nguyễn Tuấn Anh, Vụ TCKT | 2019-2023 |
| **17** | **VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ**  |  |  |  |
| **17.1** | Đánh giá tổng thể tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ngành ngân hàng kể từ khi Việt Nam trở thành thành viên WTO và định hướng chiến lược trong thời gian tới | ĐTNH.012/18 | TS. Tô Huy Vũ, Vụ HTQT | 2020-2024 |
| **17.2** | Giải pháp tăng cường sự tham gia của Việt Nam vào các tổ chức tài chính, tiền tệ, ngân hàng quốc tế trong thời kỳ mới | ĐTNH.009/18 | ThS. Đào Thúy Hằng, Vụ HTQT | 2020-2024 |
| **17.3** | Định hướng và các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam | ĐTNH.017/18 | TS. Nghiêm Xuân Thành, VCB | 2020-2024 |
| **17.4** | Bội chi tiền mặt tại Việt Nam - nguyên nhân và giải pháp hạn chế | ĐTNH.015/17 | TS. Tô Huy Vũ, Vụ HTQT | 2019-2023 |
| **18** | **VIỆN CLNH** |  |  |  |
| **18.1** | Thực trạng và giải pháp hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng dịch vụ tài chính tại Việt Nam | ĐTNH.004/19 | ThS. Nguyễn Thị Thanh Hằng  | 2021-2025 |
| **18.2** | Giáo dục tài chính – kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam | ĐTNH.007/18 | TS. Nguyễn Tường Vân, HVNH | 2020-2024 |
| **18.3** | Định hướng và các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam | ĐTNH.017/18 | TS. Nghiêm Xuân Thành, VCB | 2020-2024 |
| **18.5** | Quản lý nhân lực theo KPI tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | DANH.001/17 | ThS. Trần Hữu Thắng, Vụ TCCB | 2019-2023 |
| **18.6** | Cuộc cách mạng công nghiệp thế hệ thứ 4 - xu hướng phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng và khuyến nghị chính sách đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | ĐTNH.011/17 | ThS. Lê Phương Lan Viện CLNH | 2019-2023 |
| **18.4** | Quản lý nhà nước đối với hệ thống các tổ chức tín dụng phi ngân hàng tại Việt Nam - Thực trạng và giải pháp | ĐTNH.023/17 | TS. Nguyễn Thị Hòa, Viện CLNH | 2019-2023 |
| **18.7** | Mô hình và cơ chế tài chính cho Viện Chiến lược Ngân hàng | ĐTNH-CS.007/17 | ThS. Hoàng Linh | 2019-2023 |
| **18.8** | Toàn cảnh hệ thống ngân hàng Việt Nam 2016, triển vọng 2017 | ĐTNH.014/16 | TS. Nguyễn Đức Hiển, Viện CLNH | 2018-2022 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **19** | **NHNN CHI NHÁNH TP. HÀ NỘI** |  |  |  |
|  | Tổng kết kinh nghiệm về kiểm toán nghiệp vụ thanh tra, giám sát tại ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố | ĐTNH-CS.001/18 | ThS. Lê Quốc Nghị, Vụ KTNB | 2020-2024 |
| **20** | **NHNN chi nhánh Bình Dương;****04 NHTMNN Bình Dương** |  |  |  |
|  | Tín dụng đối với việc phát triển doanh nghiệp làng nghề - Nghiên cứu thực nghiệm tại Bình Dương | ĐTNH.014/18 | PGS. TS. Lê Thị Mận, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP HCM | 2020-2024 |
| **21** | **TẠP CHÍ NGÂN HÀNG** |  |  |  |
|  | Kinh nghiệm sử dụng mạng xã hội trong hoạt động truyền thông của NHTW và khuyến nghị cho Việt Nam. | ĐTNH-CS.002/18 | ThS. Lê Thị Thúy Sen, Vụ Truyền thông | 2020-2024 |
| **22** | **THỜI BÁO NGÂN HÀNG** |  |  |  |
|  | Kinh nghiệm sử dụng mạng xã hội trong hoạt động truyền thông của NHTW và khuyến nghị cho Việt Nam. | ĐTNH-CS.002/18 | ThS. Lê Thị Thúy Sen, Vụ Truyền thông | 2020-2024 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Nhiệm vụ** | **Mã số** | **Chủ nhiệm** | **Giai đoạn báo cáo** |
| **B** | **HVNH, ĐHNH, đơn vị sự nghiệp, đơn vị ngoài ngành** |  |  |  |
| **1** | **HỌC VIỆN NGÂN HÀNG** |  |  |  |
| **1.1** | Đánh giá tác động của dịch Covid 19 đến hệ thống ngân hàng Việt Nam | ĐANH.001/20 | PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh, HVNH | 2021-2025 |
| **1.2** | Ứng dụng mô hình kết hợp các chỉ tiêu với tần suất khác nhau (Nowcasting) trong phân tích và dự báo tăng trưởng GDP | DANH-CS.001/19 | ThS. Hoàng Việt Phương, Vụ DBTK | 2021-2025 |
| **1.3** | Tiêu chí về phát triển thị trường tiền tệ trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam - Thực trạng và đề xuất | ĐTNH.001/20 | PGS.TS. Đỗ thị Kim Hảo, HVNH | 2021-2025 |
| **1.4** | Hoàn thiện pháp luật về giao dịch bảo đảm nhằm thúc đẩy xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng | ĐTNH.003/19 | ThS. Tạ Quang Đôn, Vụ Pháp chế | 2021-2025 |
| **1.5** | Nghiên cứu định hướng hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng tại Việt Nam (VAMC) sau năm 2020 | ĐTNH.009/19 | TS. Bùi Tín Nghị, HVNH | 2021-2025 |
| **1.6** | Hiệu lực của chính sách an toàn vĩ mô qua kênh chuẩn mực tín dụng (bank lending standard) tới thị trường bất động sản tại Việt Nam | ĐTNH.010/19 | PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh, HVNH | 2021-2025 |
| **1.7** | Đánh giá tính kỷ luật thị trường ngành ngân hàng tại Việt Nam | ĐTNH.011/19 | TS. Trần Việt Dũng, ĐHNH | 2021-2025 |
| **1.8** | Tác động của nợ công đến bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam và một số khuyến nghị chính sách | ĐTNH.012/19 | TS. Lê Thị Diệu Huyền, HVNH | 2021-2025 |
| **1.9** | Xây dựng Bộ chỉ số điều kiện tài chính quốc gia (domestic financial conditions) trong điều kiện hội nhập tài chính ở Việt Nam  | ĐTNH.013/19 | PGS.TS. Nguyễn Thanh Phương, HVNH | 2021-2025 |
| **1.10** | Thao túng lợi nhuận công bố của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam – một số khuyến nghị | ĐTNH.014/19 | TS. Đào Nam Giang | 2021-2025 |
| **1.11** | Giải pháp tài chính hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt Nam | ĐTNH.015/19 | TS. Phạm Đức Anh | 2021-2025 |
| **1.12** | Ứng dụng công nghệ Blockchain trong thanh toán điện tử liên ngân hàng | ĐTNH.017/19 | ThS. Lê Mạnh Hùng, Cục CNTT | 2021-2025 |
| **1.13** | Hoàn thiện, củng cố hệ thống phòng, chống rửa tiền tại Việt Nam giai đoạn 2020-2030 | ĐTNH.018/19 | ThS. Nguyễn Thị Thúy Ngọc, Cơ quan TTGS | 2021-2025 |
| **1.14** | Cơ chế hợp tác, chia sẻ thông tin giữa Cơ quan thanh tra, giám sát, NHNN Việt Nam với các đơn vị có liên quan trong giám sát hoạt động của các TCTD - Thực trạng và giải pháp | DANH.003/18 | TS. Nguyễn Thị Hòa, Viện CLNH | 2019-2023 |
| **1.15** | Ảnh hưởng của sự phát triển các tổ chức tài chính phi ngân hàng tới ổn định tài chính ở Việt Nam và các khuyến nghị chính sách tới 2025 | ĐTNH. 001/18 | PGS.TS. Kiều Hữu Thiện, HVNH | 2020-2024 |
| **1.16** | Tác động của quản trị tri thức đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại Việt Nam. | ĐTNH. 002/18 | PGS.TS. Đỗ Thị Kim Hảo, HVNH | 2020-2024 |
| **1.17** | Quản trị rủi ro ngoại bảng tại các ngân hàng thương mại: Kinh nghiệm quốc tế và giải pháp cho Việt Nam | ĐTNH. 003/18 | TS. Bùi Tín Nghị, HVNH | 2020-2024 |
| **1.18** | Marketing mối quan hệ (Relationship Marketing) và sự trung thành của khách hàng đối với dịch vụ ngân hàng tại Việt Nam | ĐTNH. 004/18 | TS. Nguyễn Hoài Nam, HVNH | 2020-2024 |
| **1.19** | Tăng cường khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của SMEs Việt Nam | ĐTNH. 005/18 | TS. Trần Mạnh Hà, HVNH | 2020-2024 |
| **1.20** | Đánh giá thực trạng và tiềm năng du lịch xanh tại Việt Nam | ĐTNH. 006/18 | TS. Nguyễn Vân Hà, HVNH | 2020-2024 |
| **1.21** | Giáo dục tài chính – kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam | ĐTNH.007/18 | TS. Nguyễn Tường Vân, HVNH | 2019-2023 |
| **1.22** | Định hướng hoàn thiện mô hình quản trị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | ĐTNH.008/18 | ThS. Lê Phương Lan, Viện CLNH  | 2020-2024 |
| **1.23** | Giải pháp tăng cường sự tham gia của Việt Nam vào các tổ chức tài chính, tiền tệ, ngân hàng quốc tế trong thời kỳ mới | ĐTNH.009/18 | ThS. Đào Thúy Hằng, Vụ HTQT | 2020-2024 |
| **1.24** | Phản ứng tiền tệ của các nền kinh tế Đông Á đối với tác động tràn của CSTT Trung Quốc và hàm ý chính sách cho Việt Nam  | ĐTNH.011/18 | TS. Phạm Thị Tuyết Trinh, ĐHNH | 2019-2023 |
| **1.25** | Quản lý nhà nước đối với hoạt động bảo hiểm liên kết ngân hàng - Thực trạng và giải pháp | ĐTNH.013/18 | ThS. Phạm Xuân Hòe, Viện CLNH | 2020-2024 |
| **1.26** | Sử dụng dữ liệu thay thế (alternative data) trong việc chấm điểm tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại các tổ chức tín dụng | ĐTNH.015/18 | TS. Nguyễn Thị Hiền, Viện CLNH | 2020-2024 |
| **1.27** | Phối hợp chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ trong rủi ro khủng hoảng nợ công | ĐTNH.016/18 | PGS.TSKH. Nguyễn Ngọc Thạch, ĐHNH | 2020-2024 |
| **1.28** | Định hướng và các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam | ĐTNH.017/18 | TS. Nghiêm Xuân Thành, VCB | 2020-2024 |
| **1.29** | Nghiên cứu triển khai phương thức thanh toán BPO tại các ngân hàng thương mại Việt Nam | DANH.003/17 | ThS. Đào Minh Tuấn, VCB | 2019-2023 |
| **1.30** | Geo-Marketing ứng dụng trong ngân hàng bán lẻ ở Việt Nam | DANH.007/17 | TS. Phạm Thuỳ Giang, HVNH | 2019-2023 |
| **1.31** | Thực thi pháp luật về quản trị công ty đối với các ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam | ĐTNH.007/17 | TS. Bùi Hữu Toàn, ĐHNH | 2019-2023 |
| **1.32** | Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động mua bán và sáp nhập (M&A) ngân hàng tại Việt Nam | ĐTNH.016/17 | TS. Nguyễn Trung Dũng, Ngân hàng NN&PTNT | 2020-2024 |
| **1.33** | Nghiên cứu mức độ đánh đổi của bộ ba bất khả thi và gợi ý cho Việt Nam | ĐTNH.017/17 | PGS.TS. Tô Kim Ngọc, HVNH | 2019-2023 |
| **1.34** | Đánh giá định lượng mức độ hội nhập của thị trường tài chính Việt Nam và hàm ý chính sách cho giai đoạn 2017-2020 | ĐTNH.018/17 | TS. Trần Thị Xuân Anh, HVNH | 2019-2023 |
| **1.35** | Ứng dụng quy trình đánh giá mức độ đầy đủ vốn nội bộ tại các ngân hàng thương mại Việt Nam theo Basel II | ĐTNH.019/17 | PGS.TS. Nguyễn Thùy Dương, HVNH | 2019-2023 |
| **1.36** | Nghiên cứu triển khai Big Data cho hoạt động Quản trị quan hệ khách hàng tại các NHTM VN | ĐTNH.025/17 | TS. Phan Thanh Đức, HVNH | 2019-2023 |
| **1.37** | Nâng cao hiệu quả quản lý công tác sinh viên trong đào tạo tín chỉ tại các cơ sở đào tạo của Ngân hàng Nhà nước. | ĐTNH-CS. 002/17 | TS. Lâm Thị Kim Liên, ĐHNH | 2019-2023 |
| **1.38** | Đo lường rủi ro hệ thống khu vực tài chính của Việt Nam | ĐTNH-CS. 006/17 | ThS. Nguyễn Huy Toàn, Vụ Ổn định TT-TC | 2019-2023 |
| **1.39** | Chính sách tiền tệ phi truyền thống: kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam | ĐTNH.022/16 | TS. Chu Khánh Lân, HVNH | 2018-2022 |
| **1.40** | Hoàn thiện công tác đào tạo chất lượng cao tại Học viện Ngân hàng | ĐTNH.023/16 | PGS.TS Đỗ Thị Kim Hảo, HVNH | 2018-2022 |
| **1.41** | Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các ngân hàng thương mại – Thực tiễn và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam | ĐTNH.024/16 | TS. Bùi Tín Nghị, HVNH | 2018-2022 |
| **1.42** | Điều hành chính sách giám sát an toàn vĩ mô: kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam | ĐTNH.025/16 | PGS.TS Phạm Thị Hoàng Anh, HVNH | 2018-2022 |
| **1.43** | Tác động của Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) đối với xuất khẩu dệt may của Việt Nam đến năm 2020 | ĐTNH.026/16 | TS. Nguyễn Thanh Bình, HVNH | 2018-2022 |
| **1.44** | Xây dựng hệ thống thông tin quản trị chiến lược dựa trên phương pháp thẻ điểm cân bằng của ngân hàng thương mại– nghiên cứu áp dụng tại NHTMCP Công thương Việt Nam | ĐTNH.027/16 | TS. Phan Thanh Đức, HVNH | 2018-2022 |
| **1.45** | Hoàn thiện chế độ đãi ngộ người lao động phù hợp với hoạt động nghiệp vụ đặc thù của NHNN Việt Nam | ĐTNH.028/16 | TS. Phạm Quốc Khánh, HVNH | 2018-2022 |
| **1.46** | Giải pháp phát triển bền vững các tổ chức tài chính vi mô tại VN | ĐTNH.031/16 | PGS.TS Hạ Thị Thiều Dao | 2018-2022 |
| **2** | **ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP.HCM** |  |  |  |
| **2.1** | Đánh giá tác động của dịch Covid 19 đến hệ thống ngân hàng Việt Nam | ĐANH.001/20 | PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh, HVNH | 2021-2025 |
| **2.2** | Hoàn thiện pháp luật về giao dịch bảo đảm nhằm thúc đẩy xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng | ĐTNH.003/19 | ThS. Tạ Quang Đôn, Vụ Pháp chế | 2021-2025 |
| **2.3** | Nghiên cứu tác động của sự phát triển tài chính đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam | ĐTNH.008/19 | TS. Nguyễn Trần Phúc, ĐHNH | 2021-2025 |
| **2.4** | Đánh giá tính kỷ luật thị trường ngành ngân hàng tại Việt Nam | ĐTNH.011/19 | TS. Trần Việt Dũng, ĐHNH | 2021-2025 |
| **2.5** | Tác động của nợ công đến bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam và một số khuyến nghị chính sách | ĐTNH.012/19 | TS. Lê Thị Diệu Huyền, HVNH | 2021-2025 |
| **2.6** | Xây dựng Bộ chỉ số điều kiện tài chính quốc gia (domestic financial conditions) trong điều kiện hội nhập tài chính ở Việt Nam  | ĐTNH.013/19 | PGS.TS. Nguyễn Thanh Phương, HVNH | 2021-2025 |
| **2.7** | Thao túng lợi nhuận công bố của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam – một số khuyến nghị | ĐTNH.014/19 | TS. Đào Nam Giang, HVNH | 2021-2025 |
| **2.8** | Mối quan hệ giữa đầu tư trực tiếp nước ngoài, cán cân vãng lai và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam | ĐTNH.016/19 | PGS.TS. Nguyễn Đức Trung, ĐHNH | 2021-2025 |
| **2.9** | Hoàn thiện, củng cố hệ thống phòng, chống rửa tiền tại Việt Nam giai đoạn 2020-2030 | ĐTNH.018/19 | ThS. Nguyễn Thị Thúy Ngọc, Cơ quan TTGS | 2021-2025 |
| **2.10** | Tác động của quản trị tri thức đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại Việt Nam. | ĐTNH.002/18 | PGS.TS. Đỗ Thị Kim Hảo, HVNH | 2020-2024 |
| **2.11** | Quản trị rủi ro ngoại bảng tại các ngân hàng thương mại: Kinh nghiệm quốc tế và giải pháp cho Việt Nam | ĐTNH.003/18 | TS. Bùi Tín Nghị, HVNH | 2020-2024 |
| **2.12** | Tăng cường khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của SMEs Việt Nam | ĐTNH.005/18 | TS. Trần Mạnh Hà, HVNH | 2020-2024 |
| **2.13** | Đánh giá thực trạng và tiềm năng du lịch xanh tại Việt Nam | ĐTNH.006/18 | TS. Nguyễn Vân Hà, HVNH | 2020-2024 |
| **2.14** | Giáo dục tài chính – kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam | ĐTNH.007/18 | TS. Nguyễn Tường Vân, HVNH | 2019-2023 |
| **2.15** | Định hướng hoàn thiện mô hình quản trị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | ĐTNH.008/18 | ThS. Lê Phương Lan, Viện CLNH  | 2020-2024 |
| **2.16** | Giải pháp tăng cường sự tham gia của Việt Nam vào các tổ chức tài chính, tiền tệ, ngân hàng quốc tế trong thời kỳ mới | ĐTNH.009/18 | ThS. Đào Thúy Hằng, Vụ HTQT | 2020-2024 |
| **2.17** | Phản ứng tiền tệ của các nền kinh tế Đông Á đối với tác động tràn của CSTT Trung Quốc và hàm ý chính sách cho Việt Nam  | ĐTNH.011/18 | TS. Phạm Thị Tuyết Trinh, ĐHNH | 2019-2023 |
| **2.18** | Quản lý nhà nước đối với hoạt động bảo hiểm liên kết ngân hàng - Thực trạng và giải pháp | ĐTNH.013/18 | ThS. Phạm Xuân Hòe, Viện CLNH | 2020-2024 |
| **2.19** | Sử dụng dữ liệu thay thế (alternative data) trong việc chấm điểm tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại các tổ chức tín dụng | ĐTNH.015/18 | TS. Nguyễn Thị Hiền, Viện CLNH | 2020-2024 |
| **2.20** | Phối hợp chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ trong rủi ro khủng hoảng nợ công | ĐTNH.016/18 | PGS.TSKH. Nguyễn Ngọc Thạch, ĐHNH | 2020-2024 |
| **2.21** | Định hướng và các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam | ĐTNH.017/18 | TS. Nghiêm Xuân Thành, VCB | 2020-2024 |
| **2.22** | Nghiên cứu triển khai phương thức thanh toán BPO tại các ngân hàng thương mại Việt Nam | DANH.003/17 | ThS. Đào Minh Tuấn, VCB | 2019-2023 |
| **2.23** | Thực thi pháp luật về quản trị công ty đối với các ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam | ĐTNH. 007/17 | TS. Bùi Hữu Toàn, ĐHNH | 2019-2023 |
| **2.24** | Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động mua bán và sáp nhập (M&A) ngân hàng tại Việt Nam | ĐTNH.016/17 | TS. Nguyễn Trung Dũng, Ngân hàng NN&PTNT | 2019-2023 |
| **2.25** | Đánh giá định lượng mức độ hội nhập của thị trường tài chính Việt Nam và hàm ý chính sách cho giai đoạn 2017-2020 | ĐTNH.018/17 | TS. Trần Thị Xuân Anh, HVNH | 2019-2023 |
| **2.26** | Hoàn thiện khung pháp lý góp phần phát triển thị trường công cụ tài chính phái sinh tại Việt Nam đáp ứng xu thế hội nhập quốc tế | ĐTNH.020/17 | TS. Trần Quốc Thịnh, ĐHNH | 2019-2023 |
| **2.27** | Khởi nghiệp trong sinh viên các trường đại học thuộc NHNN Việt Nam | ĐTNH.026/17 | TS. Lâm Thị Kim Liên, ĐHNH | 2019-2023 |
| **2.28** | Nâng cao hiệu quả quản lý công tác sinh viên trong đào tạo tín chỉ tại các cơ sở đào tạo của Ngân hàng Nhà nước. | ĐTNH-CS.002/17 | TS. Lâm Thị Kim Liên, ĐHNH | 2019-2023 |
| **2.29** | Phát triển thị trường mua bán nợ tại Việt Nam | ĐTNH.029/16 | PGS.TS Nguyễn Thị Loan, ĐHNH | 2018-2022 |
| **2.30** | Xây dựng và ứng dụng Chỉ số căng thẳng tài chính cho Việt Nam | ĐTNH.030/16 | TS. Nguyễn Chí Đức, ĐHNH | 2018-2022 |
| **2.31** | Giải pháp phát triển bền vững các tổ chức tài chính vi mô tại Việt Nam | ĐTNH.031/16 | PGS.TS Hạ Thị Thiều Dao, ĐHNH | 2018-2022 |
| **2.32** | Xây dựng và quản lý tập đoàn tài chính ở Việt Nam | ĐTNH.032/16 | TS. Ngô Văn Tuấn, ĐHNH | 2018-2022 |
| **2.33** | Mối quan hệ giữa chính sách tài khóa và chính sách an toàn vĩ mô trong việc ổn định tài chính tại Việt Nam | ĐTNH.033/16 | PGS.TSKH Nguyễn Ngọc Thạch, ĐHNH | 2018-2022 |
| **2.34** | Đánh giá tác động của viện trợ phát triển đến tăng trưởng kinh tế: trường hợp Việt Nam | ĐTNH.034/16 | TS. Đặng Văn Dân, ĐHNH | 2018-2022 |
| **3** | **TRUNG TÂM THÔNG TIN TÍN DỤNG**  |  |  |  |
| **3.1** | Sử dụng dữ liệu thay thế (alternative data) trong việc chấm điểm tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại các tổ chức tín dụng | ĐTNH.015/18 | TS. Nguyễn Thị Hiền, Viện CLNH | 2020-2024 |
| **3.2** | Tổ chức hoạt động thông tin tín dụng đối với các tổ chức tài chính vi mô và Fintech tại Việt Nam | DANH.002/18 | ThS. Phan Huy Thắng, Trung tâm TTTD | 2020-2024 |
| **3.3** | Giải pháp phát triển nhận biết khách hàng điện tử (e-KYC) trong các dịch vụ Tài chính – ngân hàng tại VN | ĐTNH-CS.012/17 | ThS. Phan Huy Thắng, Trung tâm TTTD | 2019-2023 |
| **4** | **HIỆP HỘI NGÂN HÀNG** |  |  |  |
| **4.1** | Giải pháp phát triển bền vững các tổ chức tài chính vi mô tại Việt Nam | ĐTNH. 031/16 | PGS.TS Hạ Thị Thiều Dao | 2018-2022 |
| **4.2** | Hoàn thiện mô hình và cơ chế xử lý nợ xấu cho VAMC | ĐTNH. 015/16 | TS. Nguyễn Mạnh Hùng, VAMC | 2018-2022 |
| **5** | **VAMC** |  |  |  |
| **5.1** | Nghiên cứu định hướng hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng tại Việt Nam (VAMC) sau năm 2020 | ĐTNH.009/19 | TS. Bùi Tín Nghị, HVNH | 2021-2025 |
| **5.2** | Hoàn thiện mô hình và cơ chế xử lý nợ xấu cho VAMC | ĐTNH.015/16 | TS. Nguyễn Mạnh Hùng, VAMC | 2018-2022 |
| **6** | **NAPAS** |  |  |  |
|  | Đề xuất mô hình quản lý mạng lưới ATM tập trung tại Việt Nam | ĐTNH-CS.08/16 | ThS. Đinh Xuân Hà, Viện CLNH | 2018-2022 |
| **7** | **NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI** |  |  |  |
|  | Nâng cao hiệu quả của các chương trình tín dụng chính sách của Ngân hàng Chính sách Xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số | ĐTNH.020/16 | TS. Trần Hữu Ý, Ngân hàng CSXH | 2018-2022 |
| **8** | **TRƯỜNG BỒI DƯỠNG CÁN BỘ NH** |  |  |  |
| **8.1** | Phản ứng tiền tệ của các nền kinh tế Đông Á đối với tác động tràn của CSTT Trung Quốc và hàm ý chính sách cho Việt Nam  | ĐTNH.011/18 | TS. Phạm Thị Tuyết Trinh, ĐHNH | 2020-2024 |
| **8.2** | Nâng cao hiệu quả quản lý công tác sinh viên trong đào tạo tín chỉ tại các cơ sở đào tạo của Ngân hàng Nhà nước. | ĐTNH-CS.002/17 | TS. Lâm Thị Kim Liên, ĐHNH | 2019-2023 |
| **8.3** | Hoàn thiện chương trình đào tạo chuyên gia cho NHNN giai đoạn 2016 – 2020 | DANH.005/16 | TS. Ngô Chung, Trường BDCBNH | 2018-2022 |
| **8.4** | Hoàn thiện mô hình và cơ chế xử lý nợ xấu cho VAMC | ĐTNH. 015/16 | TS. Nguyễn Mạnh Hùng, VAMC | 2018-2022 |
| **9** | **Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam** |  |  |  |
| **9.1** | Vai trò của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong hỗ trợ phát triển bền vững hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân ở Việt Nam đến năm 2025 | ĐTNH.006/19 | TS. Nguyễn Đình Lưu - Nguyên Phó Tổng giám đốc BHTG | 2021-2025 |
| **9.2** | Vai trò của tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong quá trình tái cơ cấu tổ chức tín dụng yếu kém tại Việt Nam | ĐTNH.035/16 | TS.Vũ Văn Long, BHTG | 2018-2022 |
| **10** | **HIỆP HỘI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN VIỆT NAM** |  |  |  |
|  | Giải pháp cải thiện vai trò của Hiệp hội Quỹ tín dụng nhân dân Việt Nam | ĐTNH-CS.006/19 | ThS. Đỗ Thị Bích Hồng, Viện CLNH | 2021-2025 |
| **C** | **Các NHTM và các đơn vị khác** |  |  |  |
| **1** | **Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB)** |  |  |  |
| **1.1** | Đánh giá tác động của dịch Covid 19 đến hệ thống ngân hàng Việt Nam | ĐANH.001/20 | PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh, HVNH | 2021-2025 |
| **1.2** | Quan hệ giữa quản trị ngân hàng với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng TMCP Việt Nam | ĐTNH.005/19 | ThS.Nguyễn Vĩnh Hưng, Vụ Ổn định TT-TC | 2021-2025 |
| **1.3** | Quản trị rủi ro ngoại bảng tại các ngân hàng thương mại: Kinh nghiệm quốc tế và giải pháp cho Việt Nam | ĐTNH. 003/18 | TS. Bùi Tín Nghị, HVNH | 2020-2024 |
| **1.4** | Marketing mối quan hệ (Relationship Marketing) và sự trung thành của khách hàng đối với dịch vụ ngân hàng tại Việt Nam | ĐTNH. 004/18 | TS. Nguyễn Hoài Nam, HVNH | 2020-2024 |
| **1.5** | Sử dụng dữ liệu thay thế (alternative data) trong việc chấm điểm tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại các tổ chức tín dụng | ĐTNH.015/18 | TS. Nguyễn Thị Hiền, Viện CLNH | 2020-2024 |
| **1.6** | Tác động của quản trị tri thức đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại Việt Nam. | ĐTNH. 002/18 | PGS.TS. Đỗ Thị Kim Hảo, HVNH | 2020-2024 |
| **1.7** | Phát triển hoạt động cho vay theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của Việt Nam | ĐTNH. 006/17 | ThS. Trần Văn Tần, Vụ TDCNKT | 2020-2024 |
| **1.8** | Tội phạm sử dụng công nghệ cao trong lĩnh vực ngân hàng | ĐTNH.024/17 | PGS.TS. Hạ Thị Thiều Dao, ĐHNH | 2019-2023 |
| **1.9** | Nghiên cứu triển khai phương thức thanh toán BPO tại các ngân hàng thương mại Việt Nam | DANH. 003/17 | ThS. Đào Minh Tuấn, VCB | 2019-2023 |
| **2** | **Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ICB)** |  |  |  |
| **2.1** | Đánh giá tác động của dịch Covid 19 đến hệ thống ngân hàng Việt Nam | ĐANH.001/20 | PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh, HVNH | 2021-2025 |
| **2.2** | Quan hệ giữa quản trị ngân hàng với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng TMCP Việt Nam | ĐTNH.005/19 | ThS.Nguyễn Vĩnh Hưng, Vụ Ổn định TT-TC | 2021-2025 |
| **2.3** | Quản trị rủi ro ngoại bảng tại các ngân hàng thương mại: Kinh nghiệm quốc tế và giải pháp cho Việt Nam | ĐTNH. 003/18 | TS. Bùi Tín Nghị, HVNH | 2020-2024 |
| **2.4** | Sử dụng dữ liệu thay thế (alternative data) trong việc chấm điểm tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại các tổ chức tín dụng | ĐTNH.015/18 | TS. Nguyễn Thị Hiền, Viện CLNH | 2020-2024 |
| **2.5** | Tác động của quản trị tri thức đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại Việt Nam. | ĐTNH. 002/18 | PGS.TS. Đỗ Thị Kim Hảo, HVNH | 2020-2024 |
| **2.6** | Phát triển hoạt động cho vay theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của Việt Nam | ĐTNH. 006/17 | ThS. Trần Văn Tần, Vụ TDCNKT | 2020-2024 |
| **2.6** | Tội phạm sử dụng công nghệ cao trong lĩnh vực ngân hàng | ĐTNH.024/17 | PGS.TS. Hạ Thị Thiều Dao, ĐHNH | 2019-2023 |
| **3** | **Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam (BIDV)** |  |  |  |
| **3.1** | Đánh giá tác động của dịch Covid 19 đến hệ thống ngân hàng Việt Nam | ĐANH.001/20 | PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh, HVNH | 2021-2025 |
| **3.2** | Quan hệ giữa quản trị ngân hàng với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng TMCP Việt Nam | ĐTNH.005/19 | ThS.Nguyễn Vĩnh Hưng, Vụ Ổn định TT-TC | 2021-2025 |
| **3.3** | Quản trị rủi ro ngoại bảng tại các ngân hàng thương mại: Kinh nghiệm quốc tế và giải pháp cho Việt Nam | ĐTNH. 003/18 | TS. Bùi Tín Nghị, HVNH | 2020-2024 |
| **3.4** | Sử dụng dữ liệu thay thế (alternative data) trong việc chấm điểm tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại các tổ chức tín dụng | ĐTNH.015/18 | TS. Nguyễn Thị Hiền, Viện CLNH | 2020-2024 |
| **3.5** | Tác động của quản trị tri thức đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại Việt Nam. | ĐTNH. 002/18 | PGS.TS. Đỗ Thị Kim Hảo, HVNH | 2020-2024 |
| **3.6** | Xuất nhập khẩu đồng VND  | ĐTNH. 013/17 | Ông Trần Xuân Hoàng, Phó Tổng giám đốc BIDV | 2019-2023 |
| **3.7** | Phát triển hoạt động cho vay theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của Việt Nam | ĐTNH. 006/17 | ThS. Trần Văn Tần, Vụ TDCNKT | 2019-2023 |
| **3.8** | Tội phạm sử dụng công nghệ cao trong lĩnh vực ngân hàng | ĐTNH.024/17 | PGS.TS. Hạ Thị Thiều Dao, Trường ĐHNH | 2019-2023 |
| **4** | **Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam** |  |  |  |
| **4.1** | Đánh giá tác động của dịch Covid 19 đến hệ thống ngân hàng Việt Nam | ĐANH.001/20 | PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh, HVNH | 2021-2025 |
| **4.2** | Tác động của quản trị tri thức đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại Việt Nam. | ĐTNH.002/18 | PGS.TS. Đỗ Thị Kim Hảo, HVNH | 2020-2024 |
| **4.3** | Quản trị rủi ro ngoại bảng tại các ngân hàng thương mại: Kinh nghiệm quốc tế và giải pháp cho Việt Nam | ĐTNH.003/18 | TS. Bùi Tín Nghị, HVNH | 2020-2024 |
| **4.4** | Quan hệ giữa quản trị ngân hàng với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng TMCP Việt Nam | ĐTNH.005/19 | ThS.Nguyễn Vĩnh Hưng, Vụ Ổn định TT-TC | 2021-2025 |
| **4.5** | Sử dụng dữ liệu thay thế (alternative data) trong việc chấm điểm tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại các tổ chức tín dụng | ĐTNH.015/18 | TS. Nguyễn Thị Hiền, Viện CLNH | 2020-2024 |
| **4.6** | Phát triển hoạt động cho vay theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của Việt Nam | ĐTNH.006/17 | ThS. Trần Văn Tần, Vụ TDCNKT | 2019-2023 |
| **4.7** | Tội phạm sử dụng công nghệ cao trong lĩnh vực ngân hàng | ĐTNH.024/17 | PGS.TS. Hạ Thị Thiều Dao, ĐHNH | 2019-2023 |
| **5** | **Ngân hàng TMCP Quân đội** |  |  |  |
|  | Geo-Marketing ứng dụng trong ngân hàng bán lẻ ở Việt Nam | DANH. 007/17 | TS. Phạm Thuỳ Giang, HVNH | 2019-2023 |
| **6** | **Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt** |  |  |  |
|  | Phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại tại các NHTM Việt Nam – nghiên cứu tình huống tại NHTMCP Bưu điện Liên Việt | ĐTNH. 021/16 | TS. Nguyễn Đức Hưởng, Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt | 2018-2022 |
| **7** | **CLB Fintech, Hiệp hội Ngân hàng (cùng địa chỉ HHNH)** |  |  |  |
|  | Công nghệ Blockchain và ứng dụng trong ngành tài chính ngân hàng | ĐTNH-CS.009/17 | ThS. Nghiêm Thanh Sơn, Vụ Thanh toán | 2019-2023 |
| **8** | **- Cục Giám sát Bảo hiểm (Bộ tài chính);****- Vụ Pháp chế (Bộ tài chính);** |  |  |  |
|  | Quản lý nhà nước đối với hoạt động bảo hiểm liên kết ngân hàng - Thực trạng và giải pháp | ĐTNH.013/18 | ThS. Phạm Xuân Hòe, Viện CLNH | 2020-2024 |
| **9** | **Hiệp Hội Doanh Nghiệp Nhỏ Và Vừa TP. Hà Nội** |  |  |  |
|  | Giải pháp tài chính hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt Nam | ĐTNH.015/19 | TS. Phạm Đức Anh, HVNH | 2021-2025 |
| **10** | **CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ** |  |  |  |
|  | Lịch sử Đảng bộ Cơ quan Ngân hàng Trung ương (1951-2020) | DANH.002/19 | Ông Trần Việt Bắc, Phó Bí thư thường trực Đảng ủy cơ quan NHTW |  |
|  | Tín dụng đối với việc phát triển doanh nghiệp làng nghề - Nghiên cứu thực nghiệm tại Bình Dương | ĐTNH.014/18 | PGS. TS. Lê Thị Mận, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP HCM |  |
| **11** | **CÁ NHÂN NGOÀI NGÀNH NHẬN CHUYỂN GIAO** |  |  |  |
|  | TS. Phạm Trương Hoàng - Trưởng khoa Du lịch và KS - 0976.596949 |  |  |  |
|  | Đánh giá thực trạng và tiềm năng du lịch xanh tại Việt Nam | ĐTNH. 006/18 | TS. Nguyễn Vân Hà, HVNH | 2020-2024 |